TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2017/DSST
Ngày: 27/9/2017
V/v tranh chấp: "Hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY- TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Châu Tiếp.

Ông Tôn Văn Hùng.

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Văn Nhàn, Thư ký Tòa án.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2017/TLST-DS ngày 24/8/2017 về việc tranh chấp *"Hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2017/QĐXX-ST ngày 11/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1954; (có mặt)
Địa chỉ: khu phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1964; (vắng mặt)
Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1967; (vắng mặt)
Địa chỉ: khu phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày: Vào ngày 15/4/2015, bà N có cho vợ chồng ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Thị Tuyết M vay số tiền 100.000.000 đồng, bà N đã giao đủ số tiền trên và vợ chồng ông P, bà M có viết cho bà một biên nhận, ông P, bà M đã ký tên vào biên nhận ngày 15/4/2015. Về lãi suất hai bên chỉ thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, về thời hạn trả tiền hai bên cũng thỏa thuận miệng sau thời gian 05 tháng sẽ trả đủ vốn và lãi. Nhưng đến thời hạn trả vốn và lãi ông P, bà M không thực hiện. Bà N đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông P, bà M hứa hẹn nhiều lần vẫn không trả vốn và lãi cho bà. Bà N yêu cầu ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Thị Tuyết M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1%/tháng tạm tính từ ngày 15/5/2015 đến ngày 15/8/2017 là 27.000.000 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi là 127.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo biên bản hòa giải ngày 11/9/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Hoàng P trình bày: Thống nhất cùng lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim N vào ngày 15/4/2015, vợ chồng ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Thị Tuyết M vay số tiền 100.000.000 đồng, bà N đã giao đủ số tiền trên. Vợ chồng ông P, bà M có viết cho bà N một biên nhận, ông P, bà M đã ký tên vào biên nhận ngày 15/4/2015. Về lãi suất hai bên chỉ thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng, về thời hạn trả tiền hai bên cũng thỏa thuận miệng sau thời gian 05 tháng sẽ trả đủ vốn và lãi. Nhưng đến thời hạn trả vốn và lãi, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên có trả lãi cho bà N được 24 tháng với lãi suất 5%/tháng, sau đó bà N có giảm lãi suất xuống 3%/tháng có trả lãi được 03 tháng. Vợ chồng ông chưa trả vốn gốc cho bà N là 100.000.000 đồng. Khi trả lãi cho bà N vợ chồng ông không có lập biên nhận.

Hiện tại hoàn cảnh vợ chồng ông gặp nhiều khó khăn, yêu cầu được trả vốn gốc 100.000.000 đồng, xin không trả lãi. Số tiền gốc xin trả dần trong vòng 03 năm xin trả 03 lần vào ngày 23/8/2018 trả 30.000.000 đồng, ngày 23/8/2019 trả 30.000.000 đồng, 23/8/2020 trả 40.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kim N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Bà N yêu cầu ông P, bà M có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gồm vốn gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 15/5/2015 đến ngày 15/8/2017 là 27.000.000 đồng, bà N có nhận 03 tháng lãi từ vợ chồng ông P, bà M là 9.000.000 đồng, bà N đồng ý trừ vào số tiền lãi 27.000.000đồng còn lại 18.000.000 đồng, tổng số tiền ông P, bà M có nghĩa vụ liên đới trả là 118.000.000đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, ông P, bà M vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim N thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp *"Hợp đồng dân sự vay tài sản"* được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân Sự năm 2005;

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của bà N là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện. Do đó, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân Sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà N.

Các đương sự không có yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N buộc ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Thị Tuyết M có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay 100.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim N, ngày 15/4/2015, bà N có cho vợ chồng ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Thị Tuyết M vay số tiền 100.000.000 đồng, bà N đã giao đủ số tiền trên và vợ chồng ông P, bà M có viết cho bà một biên nhận, ông P, bà M đã ký tên vào biên nhận ngày 15/4/2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 11/9/2017, ông P, bà M thừa nhận vào ngày 15/4/2015, vợ chồng ông P, bà M có vay bà Nguyễn Thị Kim N số tiền 100.000.000 đồng và có viết cho bà N một biên nhận, chữ ký và chữ viết là của vợ chồng ông P, bà M. Ông P, bà M đồng ý trả số tiền vay cho bà N là 100.000.000đồng;

Căn cứ vào biên nhận ngày 15/4/2015 do bà N cung cấp thì bà N có cho vợ chồng ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Thị Tuyết M vay số tiền 100.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả tiền;

Từ những luận cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy ngày 15/4/2015, bà Nguyễn Thị Kim N có cho vợ chồng ông P, bà M vay số tiền 100.000.000 đồng và ông P, bà M chưa trả số tiền trên cho bà N. Bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông P, bà M có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên là có cơ sở. Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim N cho nên cần buộc ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Thị Tuyết M có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay 100.000.000 đồng cho bà N.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N là ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Thị Tuyết M có trách nhiệm liên đới trả số tiền lãi với lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 15/5/2015 đến ngày 15/8/2017 là 27.000.000 đồng nhưng trừ 9.000.000 đồng mà bà N đã nhận 03 tháng lãi nên còn lại 18.000.000đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim N về lãi suất và thời gian trả tiền vay hai bên chỉ thỏa thuận miệng với mức lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả tiền là 05 tháng sẽ trả đủ vốn và lãi. Bà N thừa nhận có nhận 03 tháng lãi từ vợ chồng ông P, bà M tổng cộng là 9.000.000 đồng, bà N đồng ý trừ 9.000.000đồng vào số lãi vợ chồng ông P, bà M phải trả là 27.000.000đồng nên số tiền lãi còn lại 18.000.000 đồng;

Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 11/9/2017, ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Thị Tuyết M thừa nhận về lãi suất hai bên chỉ thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng, về thời hạn trả tiền hai bên cũng thỏa thuận miệng sau thời gian 05 tháng sẽ trả đủ vốn và lãi. Nhưng đến thời hạn trả vốn và lãi, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên có trả lãi cho bà N được 24 tháng với lãi suất 5%/tháng, sau đó bà N có giảm lãi suất xuống 3%/tháng có trả lãi được 03 tháng. Vợ chồng ông chưa trả vốn gốc cho bà N là 100.000.000 đồng. Khi trả lãi cho bà N vợ chồng ông không có lập biên nhận và không cung cấp được chứng cứ chứng minh;

Các đương sự đều thừa nhận, căn cứ vào biên nhận ngày 15/4/2015, thì không có thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nhưng có thỏa thuận miệng về lãi suất là 3%/tháng, thời gian trả tiền vay là 05 tháng sẽ trả vốn gốc và tiền lãi phát sinh;

Từ những luận cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy vào ngày 15/4/2015, bà N có vợ chồng ông P, bà M vay số tiền 100.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời gian trả vốn vay là 05 tháng, bà N có nhận 03 tháng tiền lãi từ vợ chồng ông P, bà M là 9.000.000đồng. Bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Thị Tuyết M có trách nhiệm liên đới trả số tiền lãi vay với lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 15/5/2015 đến ngày 15/8/2017 là 27.000.000 đồng là có cơ sở. Bà N có nhận số tiện lãi 03 tháng với lãi suất 03%/tháng là vượt quá quy định, tại phiên tòa, bà N đồng ý trừ 9.000.000đồng vào số tiền lãi 27.000.000đồng là có lợi cho vợ chồng ông P, bà M nên ghi nhận sự tự nguyện này. Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Nguyễn Thị Kim N cho nên cần buộc ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Thị Tuyết M có trách nhiệm liên đới trả cho bà N số tiền lãi từ ngày 15/5/2015 đến ngày 15/8/2017 là 27 tháng thành tiền là 27.000.000đồng nhưng được trừ số tiền 9.000.000 đồng nên còn lại 18.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N về thời gian trả tiền của vợ chồng ông P, bà M có nghĩa vụ trả số tiền vốn gốc 100.000.000đồng, tiền lãi 18.000.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 11/9/2017, ông P, bà M yêu cầu được trả vốn gốc 100.000.000 đồng, xin không trả lãi. Số tiền gốc xin trả dần trong vòng 03 năm xin trả 03 lần vào ngày 23/8/2018 trả 30.000.000 đồng, ngày 23/8/2019 trả 30.000.000 đồng, 23/8/2020 trả 40.000.000 đồng;

Bà N không đồng ý yêu cầu của ông P, bà M;

Yêu cầu của bà N là có cơ sở, bởi vì việc chậm trả tiền của ông P, bà M cho bà N là đã xâm phạm đến quyền lợi và kéo dài thời gian trả tiền cho bà N;

Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về thời gian trả nợ của bà N cho nên cần buộc ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Thị Tuyết M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim N số tiền vay 100.000.000 đồng và tiền lãi 18.000.000 đồng, tổng số là 118.000.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại án phí cho bà N theo quy định.

Ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 471, 472, 473, 474, 476 Bộ luật Dân Sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 92, 147, 220, 227, 228, 233 và Điề 244 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án Dân Sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N.

Buộc ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Thị Tuyết M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim N số tiền 118.000.000 (một trăm mười tám triệu) đồng (trong đó tiền vay 100.000.000 đồng và tiền lãi 18.000.000 đồng);

Thời gian thực hiện trả tiền làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Kim N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Thị Tuyết M chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 5.900.000 (năm triệu, chín trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.175.000 đồng theo biên lai thu số 0001000 ngày 24/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với ông Nguyễn Hoàng P, bà Nguyễn Thị Tuyết M vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
TAND tỉnh Tiền Giang;
VKSND thị xã P;
Chi cục THADS thị xã P;
Các đương sự;
Lưu: HS, AV.

Trương Vĩnh Hữu